

II. PHẨM THÔNG ĐẠT

Khi ấy, có Thiên vương tên là Tồi Thắng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, phủ vai bên trái, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính bạch Thế Tôn:

- Con có chút nghi, muốn hỏi Phật, nếu được Thế Tôn cho phép, con mới dám thưa rõ.

Phật bảo trời Tồi Thắng:

- Thiên Vương Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tùy theo sự nghi vấn sẽ giải thích cho ông.

Trời Tồi Thắng được Phật cho phép, vui mừng hớn hở, liền bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm sao tu học một pháp mà có thể thông đạt tất cả pháp?

Phật bảo Tồi Thắng:

- Lành thay! Lành thay! Ông có thể thưa hỏi Như Lai nghĩa sâu xa như thế. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ giải đáp điều nghi cho ông.

Trời Tồi Thắng bạch:

- Cúi xin Thế Tôn! Con nguyện được nghe.

Phật bảo Tồi Thắng:

- Thiên vương nên biết! Các Đại Bồ-tát tu học một pháp mà có thể thông đạt tất cả pháp, pháp đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể thông đạt bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lực, Bát-nhã phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể thông đạt bố thí Ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết! Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành diệu pháp thí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là dùng tâm thanh tịnh không có điều mong cầu, thuyết pháp cho người chẳng cầu danh lợi, chỉ vì diệt khổ, chẳng thấy mình là người thuyết pháp cho người kia, chẳng thấy người kia nghe pháp; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành Vô úy thí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là quán hữu tình giống như cha mẹ, anh em, bà con thân thích, làm cho tất cả mọi người đều gần gũi mình. Vì sao? Vì từ vô thủy đến giờ lưu chuyển trong sáu nẻo đều làm bà con thân thích. Nếu các hữu tình ở chỗ nguy nan sợ hãi, còn đem thân mạng mà cứu giúp họ, huống lại đem tâm não hại họ. Chẳng thấy mình là người bố thí sự không sợ hãi cho người kia, chẳng thấy kia là người nhận lãnh; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành Tu sanh thí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là tùy theo hữu tình cần dùng những vật gì thì bố thí cho họ những vật ấy và dạy cho họ tu hành mười thiện nghiệp đạo. Chẳng thấy mình là người bố thí của cải cho người kia, chẳng thấy kia là người thọ nhận; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành Vong báo thí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là khi hành bố thí chẳng mong cầu quả báo. Bồ-tát bố thí tự nhiên như thế, chẳng thấy mình là người bố thí, chẳng cầu quả báo và chẳng thấy quả báo của sự bố thí; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành Đại bi thí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là thấy hữu tình nghèo cùng, già bệnh, không có người cứu giúp, phát khởi tâm đại bi mà phát thệ nguyện: Khi ta đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm chỗ nương tựa cho các hữu tình, vì các hữu tình nên đem chút căn lành hồi hướng Bồ-đề, cũng chẳng phân biệt mình là người cứu giúp, kia là người nhận lãnh; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành Cung kính thí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là tùy theo hữu tình cần vật gì, liền tự kính dâng, chẳng để cho mỗi mọt, chẳng thấy mình là người hành thí cung kính, chẳng thấy kia là người nhận lãnh; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tôn trọng thí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là đối với hữu tình phát sanh tướng như bậc Sư tăng, hoặc tướng như cha mẹ, với tâm tôn trọng mà bố thí. Nếu không có tài vật để ban cho thì dùng lời nói thiện mà cho, chẳng thấy mình là người hành thí tôn trọng, chẳng thấy kia là người nhận lãnh; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành Cúng dường thí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là thấy bảo tháp, hoặc thấy chỗ ở

của chư Tăng thì nên dọn quét, rưới nước, đem các thứ hương hoa và ánh sáng đèn v.v... cúng dường. Nếu thấy tôn tượng và chánh pháp bị hư hoại thì nên siêng năng sửa sang, cúng dường. Nếu thấy Tăng chúng thì nên đem thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men để cúng dường, chẳng thấy mình là người làm việc cúng dường, chẳng thấy kia là người nhận lãnh; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì thường hành Vô y thí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là khi thực hành bố thí chẳng nghĩ: Nguyện nhờ bố thí này được sanh cõi trời, người, làm vua trời, người, giàu sang, phu quý, hưởng thọ sự vui sướng, cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng chẳng chấp thủ, mong cầu, vì không sở đắc vậy.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể thông đạt bố thí Ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt tịnh giới Ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết! Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tịnh giới Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát suy nghĩ: Phật ở trong tịnh chỉ dạy Tỳ-nại-da, thuyết giới kinh tương ưng với Biệt giải thoát, Bồ-tát nên học, chẳng thấy giới tướng và người thọ trì, chẳng đăm trước giới kiến, cũng chẳng chấp trước ngã; tất cả đều không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tịnh giới Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát suy nghĩ: Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật chẳng phải chỉ thọ trì tịnh giới liền đắc, mà cần phải học tất cả giới hạnh của Bồ-tát, giới tánh mát mẻ, vắng lặng, chẳng phát khởi; tất cả đều không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tịnh giới Ba-la-mật-đa, nghĩa là các Bồ-tát suy nghĩ: Thế nào là trì giới có thể dứt trừ phiền não?

Phiền não có ba thứ là: Tham, sân, si. Mỗi phiền não này lại có ba bậc là thượng, trung, hạ. Muốn dứt trừ phiền não phải biết đối trị. Người mà tham tăng trưởng thì quán bất tịnh, quán đầy đủ ba mươi sáu vật trong thân. Người mà sân tăng trưởng thì tu quán từ bi. Người mà si tăng trưởng thì tu quán duyên khởi; chẳng thấy năng quán và pháp sở quán, cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tịnh giới Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát suy nghĩ: Thế nào là Bồ-tát

phải xa lìa suy nghĩ bất chánh? Là các Bồ-tát chẳng phát khởi tâm: Mình hành tịch tịnh, hành ly, hành Không, còn các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... khác đều ở chỗ huyên não tạp nhiễm, chẳng ưa thích hạnh vắng lặng. Thấy không hai, không khác, biết tự tánh viên ly, liền có thể xa lìa tư duy bất chánh.

Nếu Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tịch giới Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát tuy biết các pháp viên ly mà càng sợ các tội. Như Phật đã dạy, nên trì tịch giới, tu các phước nghiệp cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tội nhỏ thì phải mang một nỗi sợ to lớn, chẳng cho móng khởi, vì Thế Tôn dạy: Ví như thuốc độc, nhiều hay ít đều có hại.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tịch giới Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát thường sanh sợ hãi tương ưng với Tín hạnh. Giả sử ở chỗ vắng vẻ đơn độc một mình, không có bạn bè, có Sa-môn v.v... đem các thứ vật báu như vàng, bạc, lưu ly, châu châu gởi cho Bồ-tát. Bồ-tát không khởi tâm tham lấy các thứ đó, mà suy nghĩ: Thế Tôn thường dạy, thà phải cắt thịt nơi thân mình mà ăn, chứ của cải của người không cho thì chẳng lấy.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tịch giới Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát trì giới vững vàng. Nếu các ác ma và quyến thuộc của ma dùng sắc đẹp để thử Bồ-tát, Bồ-tát đối với sắc đẹp kia tâm chẳng dao động mà tư duy: Thế Tôn thường dạy, sắc v.v... các pháp đều như mộng, huyễn hóa, không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tịch giới Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát tuy siêng năng trì giới nhưng chẳng mong cầu ngôi vua trời, người, thân lìa ba lỗi, miệng dứt bốn làm, ý tránh ba tội. Trì giới chẳng thấy ta trì, chẳng thấy giới tướng; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt tịch giới Ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt an nhẫn Ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết! Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành an nhẫn Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát thường học nội nhẫn, hoàn toàn chẳng lệ thuộc ưu sầu khổ não, cũng học ngoại nhẫn. Nếu người đánh đập, mắng chửi, khi dễ, cướp đoạt, lăng nhục, hoàn toàn không sân giận, cũng học pháp nhẫn như Thế

Tôn dạy: Thật tánh sâu xa không pháp, không ngã, không sanh, tịch tịnh, tức là Niết-bàn.

Nghe nói như thế, tâm không kinh sợ, suy nghĩ: Chẳng học pháp ấy làm sao có thể đắc sở cầu là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, có thể lợi ích an vui cho các loài hữu tình cùng tận vị lai. Suy nghĩ kỹ: Các độc tham, sân, si như thế là ở chỗ nào khởi lên? Nhân duyên nào sanh? Nhân duyên nào diệt? Quán sát đúng như thật đều chẳng thấy có năng sanh, sở sanh, năng diệt, sở diệt. Tâm nhẫn như thế liên tục chẳng dứt, ngày đêm các thời không xen hở; đối với cảnh nhẫn không có tâm lựa chọn, nghĩa là đối với quốc vương, cha mẹ, sư trưởng v.v... và mình phải tu nhẫn cả sự gia hại khác.

Bồ-tát hành nhẫn chẳng vì sự trả ơn, danh lợi, nhân nghĩa, sợ hãi, xấu hổ. Bồ-tát nên hành nhẫn tự nhiên như thế. Nếu người kia gia hại, đánh đập, nhục mạ, xâm chiếm, cướp đoạt, khinh khi, lăng nhục, tâm cũng chẳng lay động. Nếu Bồ-tát ở ngôi vua, địa vị đại thân v.v... có người bần tiện hủy mắng, sỉ nhục, hoàn toàn không vội vàng tỏ thái độ thị uy: Ta ở ngôi vị cao sang nên theo pháp là phải quả phạt, mà chỉ nghĩ: Thuở xưa ta ở chỗ Phật Thế Tôn phát thệ nguyện rộng lớn là địa vị tất cả hữu tình ta đều cứu giúp, khiến cho được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nay nếu khởi tâm sân thì trái với nguyện xưa.

Ví như thầy thuốc giỏi, phát lời thề như vậy: Thế gian đui mù ta đều chữa lành. Nếu mắt mình không sáng thì đâu có thể chữa lành cho ai được. Như thế, Bồ-tát vì trừ tối tăm cho người mà tự mình phát sanh giận dữ thì làm sao cứu họ cho được? Chẳng thấy mình nhẫn và sự nhẫn được; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào làm các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt tinh tấn Ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết, nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tinh tấn Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát chưa diệt, khiến diệt, chưa độ khiến độ, chưa thoát khiến thoát, chưa an khiến an, chưa giác khiến giác. Khi Bồ-tát hành tinh tấn như thế, có các ác ma làm các việc trở ngại, nói với Bồ-tát: “Thiện nam tử! Bạn chớ tu hạnh này, luống chịu khổ nhọc. Vì sao? Vì ta xưa kia từng tu hạnh này: Chưa diệt khiến diệt, chưa độ khiến độ, chưa thoát khiến thoát, chưa an khiến an, chưa giác khiến giác, luống chịu khổ nhọc nhưng hoàn toàn không có lợi ích chân thật. Ta từ xưa đến nay thấy nhiều Bồ-tát tu

học hạnh này và đều thối lui. Bạn nên hồi tâm tu đạo Nhị thừa, lấy quả Nhị thừa để tự diệt độ.”

Bồ-tát nghe xong liền biết là ác ma, bảo: “Ngươi hãy lui đi! Tâm ta vững chắc giống như kim cương, chẳng phải lời sai lầm của ngươi có thể làm thối lui được. Ngươi cố gây trở ngại, luôn luôn tự khổ.” Ma nghe lời này liền ẩn mất. Nếu Bồ-tát khác chưa đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa, tu năm pháp Ba-la-mật-đa trước, trải qua trăm ngàn kiếp, khi Bồ-tát hành tinh tấn như thế còn chưa có thể vượt qua, huông là bậc Nhị thừa. Như thế, Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thành tựu Phật pháp, đều lìa các việc ác. Mặc dù hành tinh tấn, chẳng mau chẳng chậm mà có thể phát khởi nguyện lớn thù thắng: Khiến ta cảm được thân đồng với Như Lai, có nhục kế trên đỉnh đầu, lông trắng giữa chạng mày, Phật chuyển pháp luân, ta cũng như thế.

Ví như vàng ròng, các ngọc báu trang sức thì đẹp đẽ, Bồ-tát tinh tấn cũng như thế, lìa các cấu uế, nghĩa là lìa các sự lười nhác biếng trễ, mỗi một, chẳng tự rõ biết, chẳng suy nghĩ đúng... nhờ vậy có thể đạt được phước đức trí tuệ thanh tịnh thù thắng để trang nghiêm, thân chẳng mỗi một, tâm chẳng chán lười. Tất cả pháp ác bất thiện làm ngăn ngại đạo đều làm diệt trừ, các pháp trợ đạo hướng đến Niết-bàn đều khiến tăng trưởng; một chút ác chẳng khởi, huông là nhiều.

Giả sử thế giới như cát sông Hằng khắp mười phương, trong đó tràn đầy lửa lớn như ngục Vô gián, ở thế giới này chỉ có một hữu tình có thể độ được. Bồ-tát vì hữu tình ấy còn đưa ra khỏi nơi đó, huông là nhiều hữu tình. Các Bồ-tát này chẳng nghĩ: Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chẳng dễ đắc được. Bồ-tát tu hành như cứu đầu cháy, cần phải trải qua trăm ngàn ức kiếp, gánh nặng như thế thật khó mang vác, mà chỉ nghĩ: Chư Phật quá khứ, hiện tại đều tu hạnh này, chúng đại Bồ-đề. Ta cũng như thế, nên chính mình tu tập. Thà trăm ngàn kiếp ở trong địa ngục độ thoát các hữu tình, chứ hoàn toàn không bỏ họ để mau tới Niết-bàn.

Bồ-tát khi tinh tấn tu hành như thế, tâm chẳng tự cao, đối với người chẳng tự ti, chẳng thấy pháp năng hành và sở hành; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt tinh tấn Ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt tịnh lự Ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết! Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành tịnh lự Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát trông

sâu căn lành, đối với Đại thừa, đời đời kiếp kiếp tu nhiều điều hạnh, gần gũi bạn lành, chẳng sanh trong nhà bần tiện, tà kiến v.v... thường sanh trong dòng họ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn v.v... chánh tín Tam bảo, tăng trưởng pháp lành; nhờ căn lành đời trước, phát khởi ý nghĩ: Hữu tình ngày đêm trôi lăn các nẻo, luân hồi trong khổ chẳng dừng, đều do tham ái. Bỏ-tát nghĩ xong, khởi tâm nhàm chán, xa lìa, biết từ hư vọng phân biệt mà có.

Trong kinh, Thế Tôn dùng vô số phương tiện giảng thuyết: Tội lỗi của dục như gươm dài, mâu ngắn, như dao, như rắn, như bọt, như bèo, như chớp bất tịnh, thay đổi vô thường. Vì sao người trí lại tham đắm pháp này? Vừa cạo râu tóc xuất gia tu đạo, chưa thấy cho là thấy, chưa đắc cho là đắc, chưa chứng cho là chứng; phải nghe thuyết thọ trì hoặc thế tục đế, hoặc thắng nghĩa đế, như thật tu hành, như pháp quán sát, đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định, xa lìa huyên não tạp nhiễm, chẳng màng danh dự, cũng chẳng cầu cung kính cúng dường, thân tâm tinh tấn thường không lười bỏ. Tư duy tâm này phần nhiều đi cảnh nào? Là thiện, là ác hay là vô ký? Nếu đi cảnh ác thì tức tốc chấm dứt. Nếu đi vô ký cũng nên rời bỏ. Nếu đi cảnh thiện thì lập tức siêng năng tinh tấn, cố gắng làm cho tăng trưởng căn lành thù thắng.

Vì muốn đối trị pháp ác bất thiện nên đưa ra ba mươi bảy phần Bồ-đề vi diệu. Ác bất thiện đó là: Tham, sân, si.

Tham lại có ba bậc là thượng, trung, hạ:

Tham bậc thượng là nghe tên cảnh dục, lòng vui mừng hơn hờ, chẳng quán lỗi của dục, chẳng sanh nhàm lìa, tìm tòi phi lý, không có xấu hổ. Người không xấu hổ, như một mình đi đến đâu, tâm thường nghĩ về cảnh dục, liên tục chưa từng tạm nghỉ; chỉ thấy tốt đẹp, chẳng biết tội lỗi. Cha mẹ, thầy bạn quở trách sự tham dục kia cũng hoàn toàn không xấu hổ, vì chẳng biết nên phát khởi tranh cãi. Như thế gọi là người không xấu hổ. Loại này chết sẽ đọa nẻo ác.

Tham bậc trung là khi lìa cảnh dục, dục tâm chẳng khởi.

Tham bậc hạ là chỉ cùng nói cười, dục tình liền hết.

Sân cũng có ba bậc:

Sân bậc thượng là tức giận. Nếu phát khởi thì tâm mờ, mắt hoa, hoặc tạo nghiệp vô gián, hoặc hủy báng chánh pháp, hoặc tạo các nghiệp trọng tội khác, hơn ngũ vô gián nhiều gấp trăm ngàn lần.

Sân bậc trung là do sân giận, tạo các việc ác, lập tức sanh hồi hận.

Sân bậc hạ là tâm không hiềm hận, chỉ miệng chê trách, liền ăn năn.

Si cũng có ba bậc, nên biết đúng lý, mặc dù quán như thế mà biết các pháp đều như huyễn, như mộng, tiếng vang, bóng hình, bóng sáng, quang năng, sự biến hóa và ảo ảnh. Vì hư vọng điên đảo, thấy chẳng thật. Cảnh giới bên ngoài diệt thì trong tâm vắng lặng, chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt tịnh lự Ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết! Nếu các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đó là các Bồ-tát chánh trí, quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc tập, chẳng thấy sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Vì sao? Vì tự tánh đều là Không, không có chơn thật, chỉ có danh tự giả dối trình bày mà hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, giáo hóa các hữu tình, hoàn toàn chẳng vì nói không nghiệp, không quả; mặc dù biết các pháp đều như huyễn, như mộng, tiếng vang, bóng hình, bóng sáng, quang năng, biến hóa và ảo ảnh, không có ngã, hữu tình, dòng sinh mạng, khả năng sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi mà thường tuyên thuyết có nghiệp quả.

Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, quyền thuộc của ma chẳng được tiện lợi. Vì sao? Vì các Bồ-tát này gân gỏi bạn lành, thành tựu trợ Bồ-đề, lìa pháp thế gian, hoan hỷ khen ngợi chánh pháp sâu xa các đức Như Lai. Chư thiên, Ma, Phạm và Sa-môn, Bà-la-môn v.v... trừ Phật chánh trí, không ai bằng được. Chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết! Nếu các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát phương tiện thiện xảo hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu thấy hoa quả thế gian tốt đẹp, thường đem cúng dường chư Phật, Bồ-tát; ngày đêm sáu thời không từng tạm nghĩ, đem

thắng thiện này hồi hương Bồ-đề cũng như thấy hoa quả cây. Nếu nghe trong Khế kinh Như Lai nghĩa pháp sâu xa thì hoan hỷ tin nhận, ưa thích thọ trì đọc tụng và nói lại cho người khác, đem diệu thiện này hồi hương Bồ-đề. Nếu thấy bảo tháp và hình tượng Như Lai thì liền đem các thứ hương hoa cúng dường, nguyện loài hữu tình lìa hương phá giới, được hương tịnh giới.

Giống như chư Phật quét rưới đất bụi, nguyện các hữu tình uy nghi tề chỉnh, lộng hoa che phủ, nguyện các hữu tình xa lìa nóng nảy; vào trụ xứ Tăng, nguyện các hữu tình đều vào Niết-bàn; ra khỏi chỗ Tăng trụ, nguyện các hữu tình ra khỏi cảnh ma.

Thấy cửa Tăng mở, bèn phát nguyện: Đem trí xuất thế vì các hữu tình mở cửa chưa mở, đều khiến ngộ nhập. Nếu thấy cửa đóng, nguyện các hữu tình đóng cửa ba cõi, hoặc bốn nẻo ác.

Nếu được ngồi yên, nguyện các hữu tình ngồi tòa Bồ-đề. Nếu nằm hông phải, nguyện các hữu tình đều chứng Niết-bàn. Lúc ngồi, nằm, dậy, nguyện các hữu tình lìa các sự phát sanh mê lầm.

Nếu khi rửa chân, nguyện các hữu tình lìa đất bụi nhơ.

Nếu khi lạy Phật, nhiều bên phải bảo tháp, nguyện các hữu tình đều sẽ thành Phật, được trời người cung kính, chẳng lấy đó làm vui mừng.

Nếu có ngoại đạo tà kiến khó giáo hóa, bèn nghĩ: Ta làm thầy họ thì họ có giữ sự kiêu mạn, chắc chắn chẳng chịu tin. Hãy làm đồng học, hoặc làm đệ tử; tuy ở trong chúng của họ mà giới hạnh đa văn hơn các ngoại đạo, nhân đây hàng phục họ, được họ tôn trọng làm thầy, thì lời nói chắc chắn được tin nhận. Hủy bỏ tà pháp, nói chánh Niết-bàn, làm cho nhập vào giáo pháp thanh tịnh của Như Lai, tấn tu phạm hạnh tịnh lự đẳng trì, đắc thân thông thù thắng, tu tất cả diệu thiện.

Thấy người đa dục hóa làm nữ nhơn đẹp nhất, khiến cho kẻ kia say mê, trong khoảng chốc lát thị hiện vô thường, nhan sắc biến đổi, sinh trương bunn nát, hôi thối, khiến cho chán ghét, nhòm gớm và khởi tâm nhàm chán, xa lìa, liền hoàn phục hình cũ là hình tượng Bồ-tát, nhân đó nói pháp yếu sâu xa, khiến cho phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hạnh Đại thừa, thành quả Vô thượng.

Thấy người Đại thừa xa lìa bạn lành quen biết, tuy siêng năng tinh tấn học đạo Nhị thừa nhưng đối với quả đó không thể chứng đắc, mất pháp lợi nơi Đại thừa Vô thượng, quán căn tánh của người kia, thuyết Đại thừa cho họ, làm cho người đó hồi tâm, nhập đạo Vô thượng. Người chưa phát tâm, giáo hóa làm cho phát tâm. Nếu đã phát

tâm thì khuyên khiến cho bền vững. Thấy người trì giới phạm tội nhẹ, chẳng hiểu để trình bày sám hối nên lo sợ buồn rầu, thối lui; do đó không thể tấn tu đạo cao đẹp, thì liền thuyết pháp cho họ, khiến họ mau sám hối để trừ diệt, tâm lìa buồn rầu, tấn tu đạo cao đẹp. Các chúng Bồ-tát ấy thiếu dục hỷ túc, chuyên cầu pháp lợi. Vì các hữu tình thuyết về sự cúng dường Như Lai. Do đó liền thành tựu sáu Ba-la-mật-đa:

Thuyết pháp cúng dường, đó là bố thí Ba-la-mật-đa.

Hành động chẳng trái với lời nói, đó là tịnh giới Ba-la-mật-đa.

Các thiên ma v.v... chẳng thể nhiễu loạn, đó là an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Tâm tiếp nối nhau chẳng biết mỏi mệt, đó là tinh tấn Ba-la-mật-đa.

Chuyên tâm nhất niệm, chẳng duyên cảnh khác, đó là tịnh lự Ba-la-mật-đa.

Thuyết pháp cúng dường, lìa ngã, ngã sở, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt diệu nguyện Ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết! Nếu Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành diệu nguyện Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát có các sở nguyện chẳng vì được hưởng vui sướng khoái lạc thế gian, cũng chẳng vì mình cầu ra khỏi ba cõi, tu đạo Nhị thừa, chứng Niết-bàn an lạc, mà chỉ nguyện tất cả hữu tình đều nhập vào cõi Vô dư Bát Niết-bàn trước, mình thành chánh giác sau cùng. Người chưa phát tâm thì giáo hóa làm cho phát tâm. Nếu đã phát tâm rồi thì làm cho họ tu đại hạnh. Đã tu đại hạnh rồi thì làm cho được Bồ-đề. Đắc Bồ-đề rồi thì khuyên mời thuyết pháp, lần lượt cho đến sau khi vào Niết-bàn, dùng bảy báu tốt đẹp xây tháp, tôn trí xá-lợi, thiết lập sự cúng dường, làm cho vô lượng chúng đạt được phước vô biên.

Lại phát nguyện: Các thế giới mà Phật thành chánh giác đều không có thiên ma và các ngoại đạo làm rối loạn, nguyện do tự trí phát tâm vô thượng, chẳng nhờ ngoại duyên tuy phát mà thối lui.

Lại phải nguyện: Ta thường ở thế gian thành thực hữu tình, khiến cho đạt được lợi ích an lạc. Nguyện các Bồ-tát v.v... mới phát

tâm, nếu nghe Như Lai thuyết pháp sâu xa, ngộ nhập đúng như thật, tâm không kinh sợ. Nguyên các hữu tình đặc đại trí tuệ, đều thông suốt hoàn toàn vô biên Phật đạo, vô biên Phật cảnh, vô biên đại bi, làm lợi ích vô biên các loài hữu tình.

Các Bồ-tát này phần nhiều nguyện tự thân thường ở nước nhơ uế, chẳng sanh cõi tịnh. Vì sao? Vì như có người bệnh mới nhờ thầy thuốc, nếu không có bệnh tật thì thầy thuốc vô dụng. Bồ-tát khi phát diệu nguyện như thế, chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt diệu nguyện Ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt Lực Ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết! Nếu các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành Lực Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát có thể hàng phục Thiên ma, dẹp trừ ngoại đạo, đầy đủ năng lực phước đức trí tuệ, tu hành tất cả Phật pháp, chứng biết tất cả Phật cảnh, dùng năng lực thần thông đem đầu sợi lông nhắc châu Thiệm-bộ hoặc cõi bốn châu, hoặc cõi Đại thiên đến vô lượng thế giới như cát sông Hằng trong mười phương, rồi để lại chỗ cũ mà không hề tổn hại; hoặc dùng năng lực thần thông, ở giữa hư không lấy các thứ báu bố thí cho loài hữu tình, có thể nghe và thọ trì tất cả pháp mà chư Phật thuyết ở vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương, chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt Lực Ba-la-mật-đa.

Này Thiên vương! Thế nào là Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt Trí Ba-la-mật-đa?

Thiên vương nên biết! Nếu các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có thể hành Trí Ba-la-mật-đa. Nghĩa là các Bồ-tát quán sát năm uẩn sanh chẳng phải thật sanh, diệt chẳng phải thật diệt, tư duy năm uẩn đều rốt ráo Không, không có ngã, hữu tình, dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi; phạm phu điên đảo hư vọng chấp trước, chẳng biết đúng như thật các uẩn chẳng phải ngã, chẳng biết đúng như thật ngã, chẳng phải các uẩn, trong ngã không có uẩn; do đó sanh tử luân hồi các nẻo như vòng lửa xoay. Kẻ phạm phu ngu si vọng chấp là có, nhưng tất cả pháp tự tánh vốn Không, không sanh, không diệt. Duyên hợp lại gọi là sanh, duyên lìa tan thì bảo là diệt; thật không có sanh diệt, tánh chẳng phải vô, nên

chẳng thể nói sanh; tánh chẳng phải hữu nên chẳng thể nói là diệt. Các Bồ-tát này đối với tất cả cảnh, không pháp nào là không thông suốt. Tu hành Trí Ba-la-mật-đa này, Nhị thừa, ngoại đạo chẳng thể ngăn cản. Dùng trí quán sát, từ khi mới phát tâm cho đến Niết-bàn đều thấu suốt tất cả, có thể dùng một pháp mà biết tất cả cảnh, đạt tất cả cảnh chẳng lìa một pháp. Vì sao? Vì chơn như là một. Thế nên khi các Bồ-tát tu trí này chẳng thấy năng tu và pháp sở tu; cả hai không hai, không khác, vì tự tánh vốn xa lìa.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể thông đạt Trí Ba-la-mật-đa. Đó gọi là Bồ-tát tu học một pháp, có thể thông đạt tất cả pháp.

Quyển thứ 566
HẾT